

## THÔNG TƯ

### Hướng dẫn trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 109/2004/NĐ-CP

ngày 02 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh

---

Thực hiện Nghị định số 109/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh (sau đây viết tắt là Nghị định 109/2004/NĐ-CP),

Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, đối với hộ kinh doanh cá thể quy định tại Nghị định số 109/2004/NĐ-CP và các mẫu giấy tờ dùng trong đăng ký kinh doanh như sau:

#### I. ĐĂNG KÝ KINH DOANH ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

##### HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP

###### 1. Hồ sơ đăng ký kinh doanh

###### a) Đối với doanh nghiệp tư nhân:

- Đơn đăng ký kinh doanh, theo mẫu MĐ-1.
- Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định được quy định theo luật, pháp lệnh và nghị định quy định về vốn pháp định hoặc chứng chỉ, giấy tờ hợp pháp chứng minh về số vốn của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định).
- Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc Giám đốc quản lý doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề).

###### b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) có hai thành viên trở lên:

- Đơn đăng ký kinh doanh, theo mẫu MĐ-2.
- Điều lệ công ty có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 3 tháng 2 năm 2000 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ) và điểm a khoản 8 Điều 1 Nghị định số 125/2004/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 03/2000/NĐ-CP ngày 3 tháng 2 năm 2000 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 125/2004/NĐ-CP ).
- Danh sách thành viên, theo mẫu MDS-1.
- Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định được quy định theo luật, pháp lệnh và nghị định quy định về vốn pháp định hoặc chứng chỉ, giấy tờ hợp pháp chứng minh về số vốn của công ty (đối với công ty kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định).
- Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một trong những thành viên Hội đồng thành viên, hoặc Giám đốc (Tổng giám đốc), hoặc một trong những chức danh quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định (đối với công ty kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề).

c) Đối với công ty cổ phần:

- Đơn đăng ký kinh doanh, theo mẫu MĐ-3.
- Điều lệ công ty có nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 03/2000/NĐ-CP và điểm b khoản 8 Điều 1 Nghị định số 125/2004/NĐ-CP.
- Danh sách cổ đông sáng lập, theo mẫu MDS-2.
- Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định được quy định theo luật, pháp lệnh và nghị định quy định về vốn pháp định hoặc chứng chỉ, giấy tờ hợp pháp chứng minh về số vốn của công ty (đối với công ty kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định).
- Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một trong những thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Giám đốc (Tổng giám đốc), hoặc một trong những chức danh quản lý

quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định (đối với công ty kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề).

d) Đối với công ty TNHH một thành viên:

- Đơn đăng ký kinh doanh, theo mẫu MĐ-4.

- Điều lệ công ty có nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 03/2000/NĐ-CP và điểm a khoản 8 Điều 1 Nghị định số 125/2004/NĐ-CP.

- Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định được quy định theo luật, pháp lệnh và nghị định quy định về vốn pháp định hoặc chứng chỉ, giấy tờ hợp pháp chứng minh về số vốn của công ty (đối với công ty kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định).

- Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một trong những thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Chủ tịch công ty, hoặc Giám đốc (Tổng giám đốc), hoặc một trong những chức danh quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định (đối với công ty kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề).

đ) Đối với công ty hợp danh:

- Đơn đăng ký kinh doanh, theo mẫu MĐ-5.

- Điều lệ công ty có nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 03/2000/NĐ-CP và điểm c khoản 8 Điều 1 Nghị định số 125/2004/NĐ-CP.

- Danh sách thành viên, theo mẫu MDS-3.

- Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền xác nhận vốn pháp định được quy định theo luật, pháp lệnh và nghị định quy định về vốn pháp định hoặc chứng chỉ, giấy tờ hợp pháp chứng minh về số vốn của công ty (đối với công ty kinh doanh ngành, nghề phải có vốn pháp định).

- Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của tất cả thành viên hợp danh (đối với công ty kinh doanh các ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề).

2. Ngành, nghề kinh doanh ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Ngoài ngành, nghề cấm kinh doanh do pháp luật quy định, ngành, nghề kinh doanh ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau: a) Đối với ngành, nghề mà theo các luật, pháp lệnh, nghị định quy định kinh doanh phải có điều kiện, hoặc có

vốn pháp định, hoặc có chứng chỉ hành nghề, thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định đó.

b) Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, thì ghi theo Danh mục ngành, nghề kinh doanh sử dụng trong đăng ký kinh doanh ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2001/TTLT/BKH-TCTK ngày 1 tháng 11 năm 2001 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thống kê hướng dẫn ngành, nghề kinh doanh sử dụng trong đăng ký kinh doanh.

### 3. Trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh

a) Người thành lập doanh nghiệp lập và nộp một bộ hồ sơ đăng ký kinh doanh quy định cho từng loại hình doanh nghiệp theo quy định tại điểm 1 Mục I Thông tư này tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.

Người thành lập doanh nghiệp có thể uỷ quyền bằng văn bản hoặc hợp đồng với người đại diện của mình nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

b) Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh có thể yêu cầu người đăng ký kinh doanh xuất trình các loại giấy tờ sau đây nếu xét thấy cần thiết:

- Đối với cá nhân tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp:

+ Người trực tiếp đăng ký kinh doanh: Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

+ Người được uỷ quyền: Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy uỷ quyền hoặc hợp đồng.

+ Người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật: Nộp bản sao sổ hộ khẩu hoặc Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.

- Đối với tổ chức tham gia góp vốn thành lập doanh nghiệp:

+ Doanh nghiệp nhà nước: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án góp vốn vào công ty.

+ Công ty TNHH có hai thành viên trở lên: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định và biên bản họp của Hội đồng thành viên về việc cho phép công ty tham gia góp vốn.

- + Công ty cổ phần: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông về việc cho phép công ty tham gia góp vốn.
  - + Công ty TNHH một thành viên: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định của chủ sở hữu công ty về việc cho phép công ty tham gia góp vốn.
  - + Công ty hợp danh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định và biên bản họp của các thành viên hợp danh về việc cho phép công ty tham gia góp vốn.
  - + Hợp tác xã: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Nghị quyết và biên bản họp của Đại hội xã viên hoặc giấy tờ khác theo quy định tại điều lệ hợp tác xã về việc cho phép hợp tác xã tham gia góp vốn.
  - + Đối với các cơ quan hành chính nhà nước mà trong ngân sách có nhiệm vụ chi quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 và điểm b khoản 1 Điều 33 Luật Ngân sách Nhà nước được Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2002; Giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền về việc chi cho góp vốn.
  - + Đối với tổ chức chính trị, chính trị xã hội: Giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền về việc cho phép tổ chức chính trị, chính trị xã hội tham gia góp vốn.
  - + Đối với các hiệp hội khác: Giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập, hoạt động và giấy tờ của cơ quan này về việc cho phép hiệp hội tham gia góp vốn.
- c) Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký kinh doanh, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh phải ghi Giấy biên nhận theo mẫu MTB-19 và trao cho người nộp hồ sơ.
- d) Người thành lập doanh nghiệp có thể gửi hồ sơ đăng ký kinh doanh qua địa chỉ thư điện tử (Email) của Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. Khi nhận được hồ sơ đăng ký kinh doanh gửi qua thư điện tử, Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xem xét tính đầy đủ, hợp lệ và thông báo cho người thành lập doanh nghiệp biết thời gian đến nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh qua số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử của người thành lập doanh nghiệp hoặc yêu cầu người thành lập doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung hồ sơ cho đúng quy định. Trong trường hợp này, khi đến nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, người thành lập doanh nghiệp phải nộp một bộ hồ sơ đăng ký kinh doanh (hồ sơ trên giấy) tại Phòng đăng ký kinh doanh cấp tỉnh để đối chiếu và lưu hồ sơ. Quy định này cũng áp dụng đối với trường hợp doanh